

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2023/DSST
Ngày: 21/04/2023
“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Huỳnh Phú Ba.
- Bà Nguyễn Thị Hoàng Vinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:
Ông Trần Thanh Tiên – Kiểm sát viên.

Ngày 07 và 21 tháng 4 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 302/2022/TLST-DS ngày 26 tháng 12 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2023/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 03 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2023/QĐST-DS ngày 28/03/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Bùi Văn C, sinh năm 1953;

Địa chỉ: khóm Phú Mỹ, TT. Cái Tàu H, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của ông C là ông Trần Thanh H, sinh năm 1963 (có mặt);

Địa chỉ: số 13/26, đường số 11, khóm Tân An, phường 4, TP. Tân An, tỉnh Long An.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Nguyễn Thanh B, sinh năm 1966 (vắng mặt);

2.2. Bà Nguyễn Thị Nhật L, sinh năm 1966 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Khóm Phú H, thị trấn Cái Tàu H, huyện C tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản ghi lời khai của nguyên đơn ông Bùi Văn C và các lời khai tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Thanh Hùng trình bày:

Từ trước năm 2019, Ông B có hỏi vay của ông C nhiều lần nhưng ông C không nhớ mỗi lần vay là bao nhiêu tiền, khi vay ông B nói sẽ trả lãi cho ông C mỗi tháng với lãi suất là 4%/tháng, mục đích và là để mua đất khi nào bán đất sẽ trả tiền cho ông C. Khi vay chỉ thỏa thuận miệng không lập giấy tờ. Việc thỏa thuận và giao dịch thì ông C chỉ thỏa thuận và giao dịch với ông B. Sau khi vay ông B có trả lãi cho ông C, nhưng ông C không nhớ đã nhận được tổng cộng bao nhiêu tiền, mỗi lần ông C đến lấy tiền lãi thì ông B đưa ông C khoảng 100 triệu đồng, ông C lấy lãi được vài lần thì ông B không trả lãi nữa. Ngày 20/02/2021, ông C và ông B hẹn gặp nhau tại quán Cà phê Khánh Vy, tại đây hai bên đã cộng lại số tiền vốn gốc ông B đã vay của ông C là 500.000.000đ, ông B viết tờ cam kết trả nợ, thời hạn trong Tờ cam kết đến tháng 6.2021 sẽ trả lại cho ông C, việc cộng nợ không có mặt của bà L nên ông B có đem tờ cam kết vô nhà để bà L ký nên ông C không chứng kiến việc bà L ký tên vào tờ cam kết. Từ lúc viết tờ cam kết đến nay ông B và bà L cũng không trả tiền lại cho ông nên ông yêu cầu ông Nguyễn Thành B và bà Nguyễn Thị Nhật phải trả số tiền vốn vay là 500.000.000đ và lãi tính từ 20/02/2021 đến ngày 20/7/2022 là 17 tháng với lãi suất là 0,83%/tháng là 70.550.000đ. Tổng cộng vốn lãi là 570.550.000đ (Năm trăm bảy mươi triệu năm trăm năm mươi ngàn đồng).

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Thanh Hùng thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu bà Nguyễn Thị Nhật L liên đới cùng ông B trả số tiền vốn và lãi là 570.550.000đ.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 4/4/2023 bị đơn ông Nguyễn Thanh B trình bày:

Trước đây ông có vay tiền của ông Bùi Văn C nhiều lần nhưng thời gian vay và số tiền cụ thể thì ông không nhớ khi vay hai bên có thỏa thuận lãi suất là 4%/tháng, không thỏa thuận thời hạn trả cũng không lập biên nhận nợ. Mục đích sử dụng tiền vay là để ông làm ăn riêng. Sau khi vay ông có đóng lãi cho ông C đến năm 2021 nhưng ông không nhớ đã đóng lãi được bao nhiêu tiền. Ngày 20/02/2021, ông B và ông C cộng lại số tiền vốn vay thì ông còn nợ ông C 500.000.000đ và lập Tờ cam kết ngày 20/02/2021. Tờ cam kết do ông viết và ký tên còn chữ ký và ghi tên của bà L là do ông ký tên thay cho bà L. Nay ông Bùi Văn C yêu cầu ông và bà L trả lại số tiền vay và lãi tổng cộng là 570.550.000đ thì ông cũng đồng ý, tuy nhiên ông vay tiền để sử dụng vào mục đích làm ăn riêng của

ông bà L không biết, bà L cũng không ký tên vào Tờ cam kết trả nợ nên ông không yêu cầu bà L liên đới cùng ông trả nợ cho ông C.

Theo văn bản trình bày ý kiến bị đơn bà Nguyễn Thị Nhật L trình bày:

Ông Nguyễn Thanh B vay tiền của ông chung như thế nào bà không được biết, khi vay tiền ông B không trao đổi với bà, ông B không mang tiền về cũng như không mua sắm tài sản có giá trị trong gia đình. Bà không ký tên vào Tờ cam kết trả nợ ngày 20/02/2021 nên bà không đồng ý cùng ông B trả số tiền 570.550.000đ cho ông C.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến phát biểu :

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 72, Bộ luật tố tụng dân sự.

* Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Buộc bị đơn ông Nguyễn Thanh B trả cho ông Bùi Văn C số tiền là 500.000.000 đồng. Đối với lãi suất ông C yêu cầu tính lãi 0,83%/ tháng phù hợp với qui định pháp luật nên chấp nhận. Ông Nguyễn Thanh B được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo qui định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ông Bùi Văn C khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Thanh B và bà Nguyễn Thị Nhật L trả số tiền 500.000.000đ và tiền lãi đối với số tiền 500.000.000đ tính từ ngày 20/02/2021 đến ngày 20/7/2022 đây là vụ kiện Tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Ông Nguyễn Thanh B và bà Nguyễn Thị Nhật L có địa chỉ tại xóm Phú Hưng, thị trấn Cái Tàu Hạ huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Nguyễn Thị Nhật L đã được Tòa án triệu tập hợp L lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không lý do, ông Nguyễn Thanh B vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt ông B, bà L theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Ông Nguyễn Thanh B có vay tiền của của ông Bùi Văn C nhiều lần để mua đất, khi vay không có lập biên nhận, không thỏa thuận thời hạn vay nhưng có thỏa thuận lãi suất là 4%/ tháng. Sau khi vay ông B có đóng lãi cho ông C nhiều lần nhưng không nhớ cụ thể số tiền đã đóng. Ngày 20/02/2021 ông C và ông B thỏa thuận cộng số tiền vốn vay là 500.000.000đ lập Tờ cam kết với nội dung ông

B vay của ông C số tiền 500.000.000đ thời hạn vay đến tháng 6/2021 ả, không thỏa thuận lãi suất. Tuy nhiên, từ lúc lập Tờ cam kết đến nay ông B chưa trả được nợ cho ông C nên ông C yêu cầu ông B trả số tiền vốn vay là 500.000.000đ và lãi tính từ 20/02/2021 đến ngày 20/7/2022 là 17 tháng với lãi suất là 0,83%/ tháng là 70.550.000đ. Tổng cộng vốn lãi là 570.550.000đ.

Ông Nguyễn Thanh B cũng thừa nhận ông có vay của ông C nhiều lần, tổng cộng thì ông còn nợ ông C số tiền 500.000.000. Do đó ông cũng đồng ý trả cho ông C số tiền vốn gốc là 500.000.000đ và tiền lãi tính từ ngày 20/02/2021 đến ngày 20/7/2022 với lãi suất 0,83%/ tháng là 70.550.000. Tổng cộng vốn lãi là 570.550.000đ. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Bùi Văn C, buộc ông Nguyễn Thanh B trả cho ông Bùi Văn C số tiền còn nợ là 500.000.000đ.

[2.2] Về lãi suất: Do ông C chỉ yêu cầu tính lãi đối với số tiền vốn gốc 500.000.000đ từ ngày 20/02/2021 đến ngày 20/7/2022 với lãi suất là 0,83%/ tháng (10%/năm) tính tròn là 17 tháng là 70.550.000đ

Xét thấy, Theo nội dung Biên nhận mượn tiền không đề cập đến lãi suất và thời hạn vay từ ngày 20/02/2021 đến tháng 06/2021 ả nên lãi suất được xác định theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 (10%/năm), vì vậy yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp nên chấp nhận.

[2.3] Về án phí: ông Nguyễn Thanh B được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tại phiên tòa về thủ tục tố tụng và nội dung vụ án là phù hợp với nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, L phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Bùi Văn C.

2. Buộc ông Nguyễn Thanh B có nghĩa vụ trả cho ông Bùi Văn C số tiền 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng) và lãi là 70.550.000đ (Bảy mươi triệu năm trăm năm mươi ngàn đồng). Tổng cộng vốn lãi là 570.550.000đ (năm trăm bảy mươi triệu năm trăm năm mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định

tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí:

Ông Nguyễn Thanh B được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo qui định pháp luật.

4. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết bản án.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp;
- VKS nhân dân huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Chi cục THA dân sự huyện Châu Thành;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Hồng Loan

